

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỬ CHI  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 539/2022/DS-ST

Ngày: 28-9-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Anh Đạt.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Ngọc Cảnh;
- Ông Thái Văn Sơn.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lua - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.***

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc: “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 450/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 520/2022/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm: 1958; địa chỉ: Số 586 đường C, ấp Ph, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Đoàn Thị G, sinh năm: 1982; địa chỉ: Số nhà 66 Đường 787, ấp H, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lâm Văn T, sinh năm: 1958; địa chỉ: Số 586 đường C, ấp Ph, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt)

4. *Người làm chứng:* NLC1.

(có đơn xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn nội dung đơn khởi kiện ngày 24 tháng 02 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết người cùng xóm với nhau nên bà Đoàn Thị G có hỏi mượn bà số tiền 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng) 02 lần, cụ thể như sau: Lần thứ nhất: Vào ngày 30/6/2020, bà G hỏi mượn bà số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng); Lần thứ hai:

Vào ngày 20/7/2020, bà G hỏi mượn bà số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng). Mục đích mượn tiêu xài cá nhân, thời hạn mượn 06 tháng nhưng bà G không có khả năng trả tiền mượn và hẹn đến Tết Nguyên Đán năm 2021 sẽ trả cho bà.

Tổng cộng bà G hỏi mượn bà số tiền 90.000.000đ; việc vay mượn có lập văn bản bằng giấy tay, do bà G ký tên và ghi họ tên Đoàn Thị G.

Ngoài ra bà có tham gia chơi hội do bà Đoàn Thị G làm chủ hội, bà tham gia 02 dây hội. Dây hội 1.000.000đ, bà tham gia 04 đầu hội, mỗi kỳ hội đóng 4.000.000đ. Dây hội 2.000.000đ, bà tham gia 02 đầu hội, mỗi kỳ hội đóng 4.000.000đ. Tổng số tiền đóng hội cho bà Đoàn Thị G là 56.000.000đ (năm mươi sáu triệu đồng). Nhiều lần bà yêu cầu bà G phải có nghĩa vụ trả số tiền trên nhưng bà G trốn tránh và hẹn lần này đến lần khác nhưng bà G cố tình không thực hiện.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết buộc bà Đoàn Thị G trả lại số tiền 146.000.000đ (một trăm bốn mươi sáu triệu đồng).

Vào ngày 23 tháng 8 năm 2022, bà có Đơn rút yêu cầu khởi kiện bà Đoàn Thị G đối với yêu cầu bà G trả số tiền nợ hội 56.000.000đ (năm mươi sáu triệu đồng). Bà xác định chỉ khởi kiện yêu cầu bà G trả số tiền mượn 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi, trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Sổ hộ khẩu, căn cước công dân, giấy nhận nợ (bản đối chiếu bản chính), Đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện (bản chính).

*Tại Bản tự khai ngày 23 tháng 5 năm 2022, bị đơn bà Đoàn Thị G trình bày:* Vào ngày 30/6/2020, bà có mượn bà Nguyễn Thị Ng số tiền 30.000.000đ và ngày 20/7/2020, bà tiếp tục mượn bà Ng số tiền 60.000.000đ, mỗi tháng bà trả cho bà Ng số tiền 5.400.000đ. Đến tháng 3/2021 do bà không có khả năng đóng tiền lãi nên xin bà Ng miễn tiền lãi và góp mỗi tháng 2.000.000đ. Từ tháng 4/2021 đến tháng 8/2021, bà đóng tiền cho bà Ng được 4 tháng; từ tháng 5 trở đi thì bà Trần Thị Thanh H thay bà đóng tiền dùm cho bà Ng mỗi tháng 2.000.000đ và bà H đã góp cho bà Ng được 22.000.000đ. Bà chỉ còn nợ bà Ng số tiền 60.000.000đ, ngoài ra không nợ tiền gì khác.

Theo Bản tự khai ngày 08/6/2022, bà Đoàn Thị G trình bày: Vào ngày 20/01/2019, bà có lập ra dây hội 2.000.000 đồng và dây hội 1.000.000 đồng gồm 38 phần, có 16 người tham gia hội và đến ngày 30 hàng tháng thì khai (mở) hội. Bà Ng có tham gia chơi hội do bà làm chủ hội, cụ thể: Dây hội 2.000.000 đồng, bà Ng tham gia 02 phần, đóng mỗi kỳ 4.000.000 đồng và dây hội 1.000.000 đồng, bà Ng tham gia 04 phần, đóng mỗi kỳ hội 4.000.000 đồng.

Ngày 20/9/2020, bà bế hội và có gọi mọi người lại và xin trả dần nợ tiền hội đã góp trong đó có bà Ng. Dây hội 2.000.000 đồng, bà Ng đóng được 29.360.000đ (hai mươi chín triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng) và có hỗ trợ tiền lãi 6.000.000 đồng và đã thanh toán xong phần hội trên. Vào ngày 30/6/2020, bà có mượn bà Ng số tiền 30.000.000 đồng và ngày 30/7/2020, bà có mượn bà Ng 60.000.000 đồng. Mỗi tháng bà trả cho bà Ng 5.400.000 đồng tiền lãi cho đến ngày bế hội có xin bà Ng góp mỗi tháng 2.000.000 đồng và bà Trần Thị Thanh H có nợ bà số tiền 34.000.000 đồng và bà lấy số tiền này góp cho bà Ng và bà Ng nhận trực tiếp từ tay bà H mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Cho đến tháng 3/2021, bà xin bà Ng miễn tiền lãi và góp vốn 2.000.000 đồng mỗi tháng và bà Ng đồng ý nhận tiền từ bà H góp thay cho bà. Còn bà góp từ tháng 4 đến tháng 8/2021 được 8.000.000 đồng. Ngoài ra, bà không mượn tiền gì hết, chỉ còn tiền mượn bà Ng nhưng bà đã góp 8.000.000 đồng và bà H góp được 22.000.000 đồng.

Các tài liệu, chứng cứ mà bị đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của

mình gồm: Bản tự khai ngày 23 tháng 5 năm 2022 và Bản tự khai ngày 08 ngày 6 tháng 2022 (bản chính).

*Tại Bản tự khai ngày 23 tháng 8 năm 2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn T trình bày:* Ông là chồng của bà Nguyễn Thị Ng và ông được biết bà Đoàn Thị G có mượn vợ ông số tiền 90.000.000 đồng vào 02 lần nhưng đến nay bà G chưa trả tiền.

Tại phiên tòa, ông T xác định số tiền 90.000.000đ mà bà Ng cho bà G mượn là tài sản chung của vợ chồng ông. Ông yêu cầu bà Đoàn Thị G phải trả số tiền trên cho bà Ng, không yêu cầu tính lãi, trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ mà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Trích lục giấy kết hôn (bản sao); Sổ hộ khẩu, căn cước công dân (bản đối chiếu bản chính); Bản tự khai ngày 23 tháng 8 năm 2022, Đơn xin vắng mặt ngày 23 tháng 8 năm 2022 (bản chính).

*Tại Bản tự khai ngày 21 tháng 7 năm 2022, người làm chứng bà Trần Thị Thanh H trình bày:* Trước khi bà Đoàn Thị G bế hui, bà có nhận tiền hui của bà Ng đóng dùm cho bà G; mỗi tháng bà Ng đều đóng cho bà G đầy đủ. Từ ngày 20/9/2020, bà G không còn làm chủ hui nữa, bà còn nợ tiền hui của bà G là 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng) nhưng bà G mua đồ ăn của bà vào ngày 30/01/2021, mua đồ ăn: 650.000 đồng; ngày 28/02/2021, mua đồ ăn: 780.000 đồng; ngày 01/12/2021, mua đồ ăn 1.000.000 đồng; ngày 10/3/2022, mua đồ ăn 800.000 đồng; tổng cộng bà G mua đồ ăn của bà hết số tiền 3.230.000đ (ba triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng) trừ số tiền này, bà còn nợ bà G số tiền 28.700.000 đồng. Bà trả tiền cho bà Ng dùm bà G từ ngày bế hui (ngày 20/9/2020) tới ngày nay còn lại 7.000.000 đồng. Như vậy, bà Đoàn Thị G còn nợ tiền hui của bà Nguyễn Thị Ng là 35.000.000 đồng. Còn 7.000.000 đồng mà bà nợ tiền hui bà G thì bà G kêu bà ngưng trả số tiền này cho bà Ng.

Bị đơn bà Đoàn Thị G đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo Kết quả phiên họp; phiên đối chất; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đến tham dự phiên tòa xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà G.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã An Phú, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[1.2] Tư cách của đương sự:

- Căn cứ vào Trích lục kết hôn số 01 ngày 04/01/2018 của Ủy ban nhân dân xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi và Bản tự khai ngày 23/8/2022 của ông Lâm Văn T là chồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng nên có cơ sở xác định ông T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Bản tự khai và Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt cùng ngày 21/7/2022 của bà Trần Thị Thanh H thì bà H thừa nhận có nợ tiền hui của bà G nên bà G yêu cầu bà H trả tiền nợ hui thay bà G cho bà Ng. Trong vụ án này, bà Ng đã rút phần yêu cầu bà G trả tiền nợ hui 56.000.000 đồng, chỉ yêu cầu trả tiền mượn 90.000.000 đồng. Do đó, bà H không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quan hệ tranh chấp vay tài sản, bà H tham gia tố tụng khác với tư cách là người làm chứng theo quy định tại Điều 77, Điều 78 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là phù hợp.

[1.3] Việc tổng đạt, xét xử vắng mặt: Bị đơn bà Đoàn Thị G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ vào Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà G.

[2] Về nội dung:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ hui 56.000.000đ (năm mươi sáu triệu đồng đồng)

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên phần yêu cầu khởi kiện buộc bà Đoàn Thị G có nghĩa vụ trả nợ vay số tiền 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng) không yêu cầu trả lãi. Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là sự tự Ng của nguyên đơn, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, không trái với đạo đức xã hội, không vi phạm quy định của pháp luật và hoàn toàn có lợi cho bị đơn; căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền nợ hui 56.000.000đ.

[2.2] Đối với yêu cầu bà Đoàn Thị G có nghĩa vụ trả nợ vay số tiền 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng), không yêu cầu trả lãi. Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật của bà Nguyễn Thị Ng.

Xét thấy, việc bà Nguyễn Thị Ng có cho bà Đoàn Thị G vay tổng số tiền 90.000.000đ là có thật. Bởi lẽ, bà G đã thừa nhận bà G có nợ số tiền này theo giấy mượn tiền vào ngày 30/6/2020, bà Đoàn Thị G mượn bà Ng số tiền 30.000.000đ và ngày 20 tháng 7 năm 2020, bà G mượn bà Ng 60.000.000đ. Tổng cộng, bà G mượn bà Ng với số tiền là 90.000.000đ (chín chục triệu đồng chẵn) theo giấy nhận nợ và Bản tự khai ngày 23/5/2022, ngày 08/6/2022 của bà Đoàn Thị G có trong hồ sơ vụ án. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, bà Nguyễn Thị Ng khởi kiện bà Đoàn Thị G có nghĩa vụ trả số tiền 90.000.000đ là có cơ sở chấp nhận. Do bà G đã nợ số tiền vay trên nhưng vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 90.000.000đ một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ.

Tại phiên tòa, bà Ng xác định số tiền 90.000.000 đồng cho một mình bà Đoàn Thị G mượn, chồng bà G không biết. Vì vậy, bà Ng chỉ yêu cầu bà G trả nợ, không yêu cầu tính lãi suất và không yêu cầu chồng bà G có nghĩa vụ liên đới trả nợ. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của bà Ng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đoàn Thị G có khai có thời gian đóng lãi nhưng bà Ng không thừa nhận và ngoài ra bà G không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì. Tòa án đã triệu tập bà G tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ hòa giải, và phiên đối chất nhiều lần nhưng bà G vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà G là

có căn cứ theo các tài liệu chứng cứ mà các bên cung cấp và chứng cứ mà Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên không có cơ sở xem xét ý kiến của bà G.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, cần buộc bà Đoàn Thị G trả cho nguyên đơn số tiền 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng), trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật; căn cứ vào Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, cần buộc bà G phải trả tiền lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch với số tiền 4.500.000đồng (giá trị tài sản có tranh chấp: 90.000.000đ x 5% = 4.500.000đ) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1958 thuộc trường hợp miễn tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009 và điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ hui 56.000.000đ (năm mươi sáu triệu đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ng.

Buộc bà Đoàn Thị G phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Nguyễn số tiền 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng), trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

**3. Án phí dân sự sơ thẩm:**

- Án phí dân sự sơ thẩm là 4.500.000.đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) buộc bà Đoàn Thị G phải chịu nộp.

- Nguyên đơn thuộc trường hợp miễn tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2014.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

**4. Quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Dương Anh Đạt**